

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 16/2020/KDTM-ST

Ngày 15-12-2020

V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong
hợp đồng mua bán hàng hóa.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Thanh;

Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Thu Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Ngô Minh Thường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần V

Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà D, Lô A, đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Đỗ Phúc T – Chức danh: Trưởng phòng bán hàng Công ty cổ phần V, là đại diện theo ủy quyền (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ: Số 22, đường N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Hồ Mạnh H – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2020 của Công ty cổ phần V và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty cổ phần V và Công ty TNHH X ký hợp đồng mua bán số: 1949/HĐMB/2018, ngày 28/12/2017. Theo đó, Công ty TNHH X mua của Công ty cổ phần V hàng hóa là xi măng với giá trị là 325.410.909 đồng và đã thanh toán đến ngày 28/02/20218 với số tiền là: 182.330.909 đồng. Công ty TNHH X đã không thanh toán số tiền còn lại là 143.080.000 đồng. Do đó, Công ty cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH X thanh toán số tiền nợ mua xi măng còn lại là 143.080.000 đồng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH X, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập ông Hồ Mạnh H là người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Tòa án để làm việc, nhưng ông H không chấp hành Giấy triệu tập, nên Tòa án đã cử cán bộ cùng với đại diện chính quyền địa phương đến địa chỉ nơi đóng trụ sở chính của Công ty và nơi cư trú của ông H để làm để làm việc, cấp, tổng đạt nhưng không làm việc được và không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng trong vụ án vì Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ nơi đóng trụ sở chính của Công ty và ông H vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V, buộc Công ty TNHH X thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền mua bán hàng hóa là 143.080.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng mua bán. Tại Công văn số: 168/CV-ĐKKD, ngày 20/7/2020 của

Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Q xác định: Công ty TNHH X chưa là làm thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật, địa chỉ trụ sở: Số 22, đường N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Qua xác minh thì bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ này. Đây là trường hợp bị đơn thay đổi nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiến hành lập các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của BLTTDS.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt người đại diện không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Toà án xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Công ty cổ phần V và Công ty TNHH X ký hợp đồng mua bán số: 1949/HĐMB/2018, ngày 28/12/2017. Theo đó, Công ty TNHH X mua của Công ty cổ phần V hàng hóa là xi măng với giá trị là 325.410.909 đồng và đã thanh toán đến ngày 28/02/20218 với số tiền là: 182.330.909 đồng. Tại các Biên bản đối chiếu công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn vào 10/01/2019 và ngày 23/02/2019 thể hiện Công ty TNHH X còn nợ của Công ty cổ phần V số tiền là 143.080.000 đồng. Công ty TNHH X không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V, buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền nợ hợp đồng mua bán hàng hóa là 143.080.000 đồng.

Công ty cổ phần V không yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán, nên không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí KDTMST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 4, điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại; các Điều 430, Điều 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V đối với Công ty TNHH X về tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền nợ theo hợp đồng mua bán là: 143.080.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí: Công ty TNHH X phải chịu 7.154.000đ (bảy triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.577.000đ (ba triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0000716, ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố T ;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Trần Văn Sinh